

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM ĐẨY NHANH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN

Đỗ Thị Bắc*

Promoting the modernization and industrialization process in agriculture and rural area in Thainguyen

(Summary)

Thainguyen is mountainous province in the North of Vietnam. The population in the province is 1,095,991 where more than 77% of the population are living in the rural area. The natural territory of the province is 354,110 ha in where 48% of the total area is uplands area and 23% of the area is agricultural land. Thainguyen has favourable climate, water sources and land which create high potential to develop agriculture, industry, handicraft and service. Thainguyen is conducting the modernization and industrialization in agriculture and rural area and receive some first significant achievements. In order to hasten the modernization and industrialization process we need some solutions such as human resource, marketing to generate larger amount of agricultural products to supply for others production sectors.

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi, dân số của tỉnh có 1.095.991 người; diện tích tự nhiên là 354.110 ha, với 48% diện tích tự nhiên là đất đồi núi, 23% đất canh tác nông nghiệp, được thiên nhiên ưu đãi về khí hậu, sông suối, đất đai đã tạo cho tỉnh có nhiều tiềm năng phát triển đa dạng nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn. Thái Nguyên đã bắt đầu thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, đây là tỉnh có 77,37% dân số sống ở nông thôn, bước đầu đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, cần thực hiện những giải pháp nhằm đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn để đảm bảo cung cấp khối lượng sản phẩm ngày càng lớn, tạo nguồn lực và thị trường cho sự phát triển của các ngành kinh tế khác, bảo vệ môi trường sinh thái.

1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN

1.1. Thực trạng phát triển nông nghiệp

Thái Nguyên phát triển nông nghiệp trên cơ sở khai thác lợi thế về tài nguyên sinh học đa dạng và những lợi thế khác đảm bảo lương thực, thực phẩm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2004 đạt 1.537.326 triệu đồng. Cơ cấu ngành nông nghiệp đã có sự chuyển biến theo hướng tiến bộ, so với tổng giá trị sản xuất toàn ngành, năm 2004 cơ cấu trồng trọt chiếm 67,43%, chăn nuôi 29,4% và dịch vụ 3,17%.

Đã tăng cường áp dụng các thành tựu tiên tiến của khoa học công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp góp phần tăng nhanh năng suất cây trồng, vật nuôi. Diện tích lúa thâm canh cao sản bằng các giống lúa mới tăng từ 43% năm 2001 lên tới 48% năm 2004. Năng suất lúa tăng bình quân 4,83%, sản lượng tăng 8,4% năm. Các giống lúa lai, ngô lai, giống chè mới, giống lợn, gà có chất lượng cao được khảo nghiệm và nhân rộng. Tỷ lệ giống chè mới, giống lợn, gà có chất lượng cao được khảo nghiệm và nhân rộng. Tỷ lệ giống lúa mới đạt 80%, giống lúa lai 20%, giống ngô mới 80%, giống chè mới 38% cơ cấu giống đưa vào sản xuất. Tỷ lệ đàn lợn nái Móng cái chiếm 80%, lợn nái ngoại 20%, giống gà, ngan, vịt chất lượng cao, nhiều loại cá giống mới được đưa vào sản xuất. Các giống cây lâm nghiệp mới được trồng đại trà. Kỹ thuật canh tác trên đất dốc, quản lý dịch hại tổng hợp IPM, công nghệ sản xuất giống chè, cây lâm nghiệp bằng giâm cành được áp dụng rộng rãi đạt hiệu quả kinh tế cao.

1.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn

Đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông lâm sản, ngành nghề, công nghiệp nông thôn bước đầu phát triển và theo hướng ngày càng hiện đại để phục vụ cho phát triển nông nghiệp có hiệu quả. Các chính sách phát triển ngành nghề nông thôn, cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế chăn nuôi gia súc, gia cầm theo phương pháp công nghiệp, phát triển nuôi trồng thủy sản, chính sách phát triển sản xuất - chế biến - tiêu thụ chè, chăn nuôi bò sữa đang được tổ chức thực hiện tốt, đời sống nông dân đã được cải thiện.

*TS. Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Thái Nguyên

Các cơ sở chế biến chè, quả, nguyên liệu gỗ, giấy, thức ăn gia súc đang được đầu tư phát triển. Tỉnh có 29 doanh nghiệp chế biến chè đang hoạt động và có hơn 54.400 cơ sở chế biến chè quy mô hộ gia đình. Sản lượng chè búp tươi chế biến đạt 38.000 tấn. Sản phẩm rau quả chưa có cơ sở chế biến quy mô lớn, chỉ có chế biến dạng lò sấy khô, chất lượng chưa cao, khả năng cạnh tranh thấp. Trong lâm nghiệp, đã phát triển chế biến gỗ từ sơ chế nguyên liệu tập trung ở các lâm trường đến sản phẩm cao cấp như giấy để, ván ép, ván dăm.

Toàn tỉnh có trên 10 nghìn cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn như trồng dâu nuôi tằm, chế biến lương thực, chè, quả và sản xuất vật liệu xây dựng, thu hút khoảng 24 nghìn lao động. Tỷ lệ thời gian lao động ở nông thôn tăng từ 72% năm 2000 lên tới 78% năm 2004. Các làng nghề truyền thống sản xuất mây tre đan ở Tiên Phong, Phổ Yên; làng nghề trồng dâu nuôi tằm ở Tân Phú, Phổ Yên, xã Úc Kỳ, Phú Bình, làng nghề sản xuất miến dong ở Minh Lập, Đông Hỷ được duy trì và phát triển.

Đã thực hiện cơ giới hoá từng khâu công việc như làm đất, chế biến, xay sát góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Hiện nay tỉnh Thái Nguyên có trên 121.000 máy nông nghiệp các loại, và 54.000 máy sao chè cải tiến.

Kết cấu hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được quan tâm phát triển. Trong xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng đã chú trọng vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người, ưu tiên phát triển giao thông, thủy lợi, điện và thông tin. Trong 3 năm 2002 - 2004 đã đầu tư trên 100 tỷ đồng, hoàn thành thêm 27 công trình bao gồm các công trình thủy lợi, công trình cấp nước vùng cao, nâng cấp các trạm trại sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Đã xây dựng được 3 mô hình nông thôn mới với chương trình 4 hoá tại xã Tân Cương (TPTN), xã Túc Tranh (Phú Lương), và xã Phú Thượng (Võ Nai). Đối với vùng 135, trong 3 năm đã đầu tư 50,4 tỷ đồng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn cho các xã đặc biệt khó khăn: Xây dựng trung tâm cụm xã, đường giao thông, công trình thủy lợi, cầu treo, trường học và chợ thương mại. Đến nay, toàn tỉnh có 2.027 công trình thủy lợi trong đó có 108 công trình có diện tích tưới từ 30 ha trở lên, hệ thống kênh mương đã kiên cố hoá được 1.254 km, tưới ổn định cho 23.500 ha lúa vụ đông xuân, 34.000 ha lúa vụ mùa, 5.000 ha ngô đông, 11.500 ha hoa màu và tạo nguồn nước tưới cho trên 2.500 ha chè đông, 58% dân số nông thôn được dùng nước sạch; 100% các xã trong tỉnh đã có đường giao thông và sử dụng điện lưới quốc gia, mật độ điện thoại

đạt 8,93 máy/100 dân, 100% các xã phường có nhà văn hoá. Đời sống nông dân ngày càng được cải thiện, bộ mặt nông thôn đang từng bước đổi mới.

1.3. Dịch vụ nông thôn

Hệ thống dịch vụ nông thôn đã được tỉnh quan tâm đầu tư để phục vụ thiết thực cho nông nghiệp và công nghiệp phát triển. Đã hoàn thiện mạng lưới cung ứng vật tư nông nghiệp với 9 trạm kinh doanh và 123 cửa hàng bán lẻ tại các trung tâm xã, cung ứng được trên 100 ngàn tấn phân bón các loại, 2.500 tấn thóc giống và ngô giống các loại, 17.000 tấn thức ăn chăn nuôi, 300 ngàn cây giống cây ăn quả các loại, hàng chục triệu bầu chè giống mới.

Hệ thống khuyến nông từ tỉnh đến huyện được củng cố với gần 200 cán bộ khuyến nông cơ sở. Dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật được tăng cường đến tận thôn bản. Đã tổ chức tập huấn cho hàng vạn lượt nông dân những kiến thức mới về trồng trọt, chăn nuôi, phát triển thủy sản, lâm nghiệp và đào tạo được 160 nông dân trở thành khuyến nông viên thôn bản, xác định được 14 loại hình kỹ thuật đầu tư thấp, 23 loại hình kỹ thuật đầu tư cao phù hợp cho từng vùng và từng đối tượng nông dân. Xây dựng được hàng ngàn công trình khí sinh học BIOGAS, duy trì 223 nhóm nông dân cùng sở thích, 62 làng khuyến nông tự quản với nhiều mô hình sản xuất, vay vốn tín dụng quay vòng giúp cho người dân xoá đói giảm nghèo và từng bước làm giàu trên chính mảnh đất của họ.

Chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, tăng thêm vụ đông đã tạo thêm việc làm cho trên 12 nghìn người và tăng thêm thu nhập cho các hộ gia đình từ 6 - 7 triệu đồng/ha đối với sản xuất cây ngô đông, 10 - 15 triệu đồng/ha đối với sản xuất chè đông.

Do thực hiện tốt các chính sách phát triển nông thôn nên trong 3 năm đời sống của nông dân đã được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2004 đạt 322.700 đồng, tăng 51% so với năm 1999. Tỷ lệ hộ nghèo giảm hộ nghèo từ 12,83% năm 2002 xuống còn 6,06% năm 2004.

2. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU ĐẨY NHANH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế.

- Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn nhanh và bền vững.

- Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại trong sử dụng đất, giống, thu hoạch, bảo quản.

- Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn đầu tư và công nghệ, đầu tư chiều sâu để khai thác tối đa, hợp lý và hiệu quả.

Trên cơ sở khai thác mọi nguồn lực, cơ hội và lợi thế, phấn đấu đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn với các mục tiêu đến năm 2010 là:

- Tổng sản lượng lương thực đạt 450.000 tấn; lương thực bình quân/người 350 kg.

- Diện tích trồng chè 19.450 ha, trong đó trồng mới và phục hồi 6.000 ha

- Phát triển cây ăn quả các loại diện tích 16.000 ha, trong đó trồng mới 3.500 ha.

- Phấn đấu độ che phủ rừng lên 52%.

- Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, tập trung cho phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế.

- Chú trọng phát triển công nghiệp, dịch vụ nông thôn. Nâng cao đời sống người dân.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất ở nông thôn.

3. Những giải pháp cơ bản nhằm đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn

Một là: Phát triển và tìm kiếm thị trường và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn

Chú trọng thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu để tiêu thụ các loại nông sản và hàng hoá công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường từ tỉnh, huyện, xã trong lĩnh vực thông tin giá cả thị trường sản phẩm, vật tư, nguyên liệu đầu vào. Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, quảng cáo giới thiệu sản phẩm bằng nhiều hình thức, tham gia các cuộc triển lãm, hội chợ hàng nông lâm sản, giống cây con...

Thực hiện có hiệu quả quyết định 80 CP về khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hình thức hợp đồng với các sản phẩm chè, quả, lợn, bò, nguyên liệu làm giấy, ván gỗ nhân tạo.

Để kích thích tiêu thụ cần đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, xây dựng cơ sở giết mổ gia súc tập trung, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo tiêu chuẩn,

yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường xuất khẩu các mặt hàng như chè, lợn đông lạnh, vải quả...

Hai là: Phát triển sản xuất nông nghiệp; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trong nông thôn

Chuyển đổi những diện tích cây trồng bắp bênh, kém hiệu quả sang nuôi, trồng các loại cây khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Phát triển những loại cây, con có tiềm năng và thị trường như: Lúa gạo đặc sản, ngô, đỗ tương phục vụ chăn nuôi, chè, cây ăn quả, bò sữa, gà chất lượng cao... Tiếp tục chỉ đạo thâm canh lúa cao sản, phát triển lúa lai, ngô lai, diện tích chè giống mới, thâm canh chất lượng cao và các loại giống khác có hiệu quả kinh tế. Thực hiện tốt công tác dịch vụ vật tư phục vụ sản xuất. Tăng cường tập huấn kỹ thuật đến hộ nông dân, khuyến cáo, hướng dẫn nông dân lựa chọn các giống cây, con và các kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Mở rộng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến như: Giống, kỹ thuật canh tác, nuôi dưỡng..., tăng cường công tác dự tính, dự báo phòng trừ sâu bệnh và bảo vệ vật nuôi đạt hiệu quả. Tiếp tục thực hiện cơ chế trợ giá cho các giống cây, con mới. Thực hiện các cơ chế vay vốn ưu đãi để phát triển cây chè, cây ăn quả, xây dựng các cơ sở sản xuất giống cây, giống con, phát triển kinh tế trang trại.

Quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ chế biến công nghiệp: Vùng chè gắn với các nhà máy chế biến, vùng rừng nguyên liệu gắn với cơ sở chế biến giấy, ván dăm, gỗ trụ mỏ, vùng chăn nuôi tập trung: Lợn nạc, gà chất lượng cao, bò sữa phục vụ chế biến xuất khẩu.

Ba là: Tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ

Thực hiện chuyển giao các công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật thông qua các chương trình kinh tế kỹ thuật trọng điểm: Chương trình phát triển cây chè, luồng, cây ăn quả, cây lương thực, chương trình sản xuất giống cây, con phục vụ sản xuất. Xây dựng các dự án ứng dụng công nghệ mới như nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp cấy mô, ứng dụng IPM sản xuất rau sạch, chè sạch, chè hữu cơ.

Đưa công nghệ tiên tiến vào chế biến chè, thịt lợn, bò sữa đáp ứng yêu cầu thị trường. Xây dựng mỗi huyện 3 - 5 mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản với công nghệ cao để đạt mục tiêu cánh đồng 50 triệu đồng/ha/năm hoặc thu nhập đạt 50 triệu đồng/hộ/năm.

(Xem tiếp trang 19)

Chiều cao cây là loại tính trạng số lượng, được kiểm tra bởi nhiều locus nên phép lai giữa các giống, dòng có nguồn gốc khác nhau thì F_2 thường thu được phổ biến dị liên tục về chiều cao cây. Hiện tượng này cũng thấy ở 2 tổ hợp lai: TTĐB x THĐB, THĐB x TTĐB; ở F_1 , chúng tôi thu được con lai có cây thấp hơn dạng bố và mẹ, còn ở F_2 không thể phân thành các lớp kiểu hình như ở các tổ hợp khác, vì chiều cao cây ở F_2 của tổ hợp này biến dị liên tục, phân ly tăng tiến âm [5]. Hiện tượng trên chứng tỏ: 2 đột biến lặn khác nhau đã xảy ra ở 2 locus khác nhau của 2 giống lúa (Tám thơm Hải Hậu và Tép hành) đã làm giảm chiều cao cây, góp phần hình thành giống lúa TTĐB và THĐB.

IV. KẾT LUẬN

Từ kết quả thực nghiệm và những điều phân tích ở trên, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Các đột biến làm giảm chiều cao cây là các đột biến lặn không hoàn toàn và được di truyền theo quy luật Mendel trong lai đơn.

2. Khi lai giữa các giống và dòng đột biến có chiều cao cây thuộc loại nửa lùn và tương tự nhau thì ở F_1 có hiện tượng siêu trội âm và ở F_2 có hiện tượng phân ly tăng tiến dương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1). Nguyễn Minh Công, Phạm Văn Ro, Đỗ Hữu át (1999) "Nghiên cứu chọn tạo giống lúa Tép Hành đột biến", Tạp chí NN&CNTP, Số 4, tr.173-175.
- (2). Nguyễn Minh Công, Phạm Văn Ro, Đỗ Hữu át, Ngô Đình Thức (1999) "Nghiên cứu chọn tạo giống lúa Tài nguyên đột biến", Tạp chí NN&CNTP Số 5, tr.210-212.
- (3). Inger (1996). Standard evaluation System for rice, Rice genetics, IRRI, Manila, Philippines.
- (4). Joho R. Fincham S. (1994) The Chi - Square (χ^2) test for assessing goodness of fit to theoretical ratios Genetic analysis principles, Scope and objectives Rice Genetic, chapter 1, p.19- 21.
- (5). Kikuchi, F. and Y. Futsuhara (1997), "Inheritance of morphological characters. 2. Inheritance of semidwarf", In: Science of the Rice plant, Volume Three: Genetics (Matsuo et al, eds.), FAPRC, Tokyo, pp. 309-317. □

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM ĐẨY NHANH...

(Tiếp theo trang 10)

Bốn là: Phát triển kinh tế nhiều thành phần, chú trọng vấn đề vốn cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn

Tăng tích lũy vốn từ bản thân nông nghiệp và nông thôn cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Khuyến khích phát triển hợp tác xã gắn với củng cố các doanh nghiệp, cơ sở chế biến giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm liên kết qua hợp đồng.

Thực hiện đề án đồn điền đổi thửa làm cơ sở cho việc công nghiệp hoá hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, phát triển ngành nghề và dịch vụ nông nghiệp.

Năm là: Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại hoá từng phần, hoàn thành kiên cố kênh mương nội đồng, các công trình thủy lợi trọng điểm, cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giống cây, con, phát triển hệ thống tưới đẫm. Tăng cường hệ thống lưới điện nông thôn kết hợp với các công trình phòng chống thiên tai.

Từng bước thực hiện cơ giới hoá các hoạt động kinh tế ở nông thôn, tăng cường trang bị các loại máy và trong sản xuất ở nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Niên giám Thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2000 - 2004. Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội - Năm 2005.
2. Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên. Số liệu thống kê, báo cáo về nông nghiệp, nông thôn năm 2001-2004.
3. Số liệu tác giả điều tra nghiên cứu về nông nghiệp, nông thôn và phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Thái Nguyên. □